

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (bổ sung).
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ, ngày 20/9/2025
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Đường Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B12-089-btmtram).

TU. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



CÔNG TY.....
MÃ SỐ THUẾ:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		THÔNG TIN NHÀ THẦU CHÀO GIÁ													
	STT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Ghi chú
1																Hợp đồng trúng thầu số...ngày... tại Bệnh viện... , giá trúng thầu: ..., Hợp đồng trúng thầu đáp ứng số lượng (nếu có)

- Báo giá này có hiệu lựctháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác của Công ty (nếu có):

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý tim	Cáp nối Catheter cắt đốt điện sinh lý tim - Chiều dài $\geq 2.5\text{m}$ - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 của Bệnh viện và Dụng cụ cắt đốt điện sinh lý tim, uốn cong khoảng 270° , cỡ 7Fr Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	4
2	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim, uốn cong khoảng 270° , cỡ 7Fr	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim - Chấu liệu: đầu Platinum /Iridium - Cỡ 7Fr, dài $\geq 110\text{cm}$ - Đầu đốt loại 4mm, khoảng cách điện cực là 2 - 5 - 2mm - Kích cỡ nhãn trong khoảng 1.5 - 2mm - Có thể uốn cong khoảng 270° - Tương thích máy cắt đốt điện sinh lý IBI 1500 của Bệnh viện Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	50
3	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 20 → 21g	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 3 Tesla - Điều chỉnh không dây, tự động phát hiện từ trường MRI, có thể hoạt động 14 ngày sau khi lập trình - Trọng lượng trong khoảng 20 - 21g, dày trong khoảng 6 - 7mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	2
4	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 22 → 24g, cho phép chụp MRI toàn thân 3T	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Điều chỉnh không dây, tự động phát hiện từ trường MRI có thể hoạt động 14 ngày sau khi lập trình - Trọng lượng trong khoảng 22 - 24g, dày trong khoảng 6 - 7mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	30
5	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, trọng lượng 23 → 24g	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5 Tesla - Có thể ghi lại 4 cơn điện tim ECG tối đa 10s mỗi cơn, và 75% tiền sử cơn ở cả 2 kênh - Có chương trình giảm tạo nhịp thất IRS+, giảm suy tim, nhịp cơ bản lên đến 200bpm - Trọng lượng trong khoảng 23 - 24g, dày trong khoảng 6 - 7mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	53

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, trọng lượng 31 → 32g	Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 3T - Điện cực thất trái 4 cực chuẩn IS-4 - Truyền dữ liệu không dây thông qua kết nối Bluetooth - Tự động đảm bảo phương pháp tái đồng bộ tim - Trọng lượng trong khoảng 31 - 32g Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	3
7	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, trọng lượng 76 → 77g	Máy tạo nhịp, phá rung 2 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Năng lượng sốc 40J - Có chương trình tránh shock lầm - Thời gian hoạt động > 12 năm - Trọng lượng trong khoảng 76 - 77g, dày 10mm - Bao gồm: máy, dây dẫn, kim chọc Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	2
8	Vi ống thông, dài 105 → 150cm	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và ngoại biên - Chất liệu phủ ái nước - Đường kính đầu xa tối thiểu có cỡ 1.7 F - Chiều dài trong khoảng 105 - 150cm, tối thiểu có 3 cỡ - Tương thích dây dẫn 0.016" Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	100
9	Điện cực cắt rạch hình mũi nhọn	Điện cực cắt rạch hình mũi kim 45 độ, dùng cho cắt đốt tiền liệt tuyến lưỡng cực, - Tương thích với ống soi 12 độ và 30 độ - Tương thích với máy cắt đốt cao tần ESG-400 của Bệnh viện	cái	10
10	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 8 → 10mm, dài 70 → 80mm	Stent can thiệp mạch máu ngoại biên dùng thông tĩnh mạch gan xuống tĩnh mạch cửa - Chất liệu Nitinol, phủ PTFE - Đường kính từ 8mm đến 10mm - Chiều dài từ 70mm đến 80mm - Tương thích dụng cụ mở đường 9F Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	6

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
11	Bộ kit cấy ghép hỗ trợ thất trái	Bộ cấy ghép hỗ trợ thất trái: 1. Bơm máu: - Vỏ ngoài chất liệu làm từ Titanium - Kích thước (thân máy bơm): Đường kính < 55 mm - Trọng lượng (thân máy bơm) ≤ 200 g; - Thể tích thân máy bơm: ≤ 80 cc; - Lưu lượng tối thiểu 2,5 L/phút 2. Ống dẫn máu: - Dẫn máu vào bơm: bằng titanium - Dẫn máu từ bơm lên động mạch chủ bằng Polyester dệt tấm gelatin 3. Cáp bơm có vỏ silicon, dễ kết nối với bộ điều khiển 4. Bộ điều khiển có đèn báo, âm thanh và màn hình hiển thị về trạng thái hoạt động, tình trạng cảnh cho người sử dụng. có thể sử dụng liên tục trên 15 giờ Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	2
12	Bộ dụng cụ đặt thông tiêu	Bộ dụng cụ đặt thông tiêu: - Chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3, bao gồm: - 1 khăn gói chống thấm 80 x 80 cm - 1 khăn có lỗ tròn: * Chất liệu vải bán thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới * Đường kính khoảng 8 - 9 cm * Kích thước 90 x 90 cm (± 0.1 cm) - Tối thiểu 5 miếng gạc không dệt 8 lớp, 7.5 x 7.5 cm (± 0.1 cm) - Tối thiểu 10 gòn viên - 1 túi gel bôi trơn tối thiểu 4g - 1 kẹp dài khoảng 13 - 15 cm - 1 khay bằng nhựa PVC có 4 ngăn với chiều dài khoảng 23 - 25 cm, chiều rộng khoảng 13 - 15 cm, chiều cao khoảng 3 - 4 cm. - Tiệt khuẩn khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Bộ	13.000
13	Khăn trải bàn dụng cụ, kích thước 200 x 300 cm	Khăn trải bàn dụng cụ - Cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS, tối thiểu 45 gsm) - Kích thước: 200 x 300 cm (± 2cm) - Tiệt khuẩn khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Cái	500
14	Khăn trải bàn dụng cụ, kích thước 165 x 200 cm	Khăn trải bàn dụng cụ - Cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS, tối thiểu 45 gsm) - Kích thước: 165 x 200 cm (± 2cm) - Tiệt khuẩn khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Cái	1.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
15	Bộ khăn phẫu thuật chi dưới	Bộ khăn phẫu thuật chi dưới - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3. - Bộ khăn bao gồm: + 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) + 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm + 1 Khăn phẫu thuật chi 240 x 310 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới kích thước 70 x 115 cm có lỗ đàn hồi đường kính 10 cm. + 2 khăn phủ 160 x 200 cm + 1 Khăn tiếp cận 90 x 100 cm + 2 Khăn thấm 35 x 40 cm + 1 Bao chi dưới 28 x 85 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Bộ	500
16	Bộ khăn phẫu thuật chi trên	Bộ khăn phẫu thuật chi trên - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3. - Bộ khăn bao gồm: + 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) + 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm + 1 Khăn phẫu thuật chi 200 x 300 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới kích thước 50 x 50 cm, có lỗ đàn hồi đường kính 6 cm. + 1 Khăn tiếp cận 90 x 100 cm + 2 Khăn thấm 35 x 40 cm + 1 Bao chi trên 23 x 50 cm, chất liệu vải bán thấm cấu tạo chỉ thấm mặt trong, không thấm mặt ngoài - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Bộ	500

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	Bộ khăn phẫu thuật nội soi cột sống	Bộ khăn phẫu thuật nội soi cột sống - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 1 Khăn phẫu thuật cột sống 220 x 310 cm, lỗ vùng phẫu trường kích thước 20 x 20 cm nằm ở trung tâm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới thấm kích thước 60 x 60 cm, có túi chứa dịch ở bên tối thiểu 50 lít, có co nổi. * 4 khăn phủ có keo 80 x 100 cm * 1 túi dụng cụ 35 x 40 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Bộ	500
18	Bộ khăn phẫu thuật đầu mặt cổ	Bộ khăn phẫu thuật đầu mặt cổ - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 1 khăn phẫu thuật với kích thước: chiều ngang đầu trên khăn 280 cm, chiều ngang đầu dưới khăn 210 cm, chiều dài toàn bộ khăn 310 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới với kích thước 80 cm x 60 cm, có lỗ đàn hồi kích thước 13 x 13 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm, * 1 Màng phẫu thuật 28 x 30 cm, chất liệu PU mỏng dẻo, dính * 1 Túi dụng cụ 40 x 40 cm, 2 ngăn * 1 túi kim chỉ: chất liệu bằng nhựa trong, có 2 ngăn, chiều cao 30 cm, chiều rộng 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Bộ	500

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19	Bộ khăn phẫu thuật cắt phôi	Bộ khăn phẫu thuật cắt phôi - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: * 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Khăn phẫu thuật cắt phôi 240 x 320 cm, vùng phẫu trường kích thước 30 x 35 cm, vùng xung quanh phẫu trường vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới kích thước 60 x 80 cm, tích hợp 2 túi chứa dịch 2 bên 30 x 40 cm * 4 khăn có keo 100 x 120 cm * 1 khăn trải bàn mayo 60 x 140 cm * 1 túi dụng cụ 40 x 40 cm, có 2 ngăn * 1 túi kim chỉ: chất liệu bằng nhựa trong, có 2 ngăn, chiều cao 30 cm, chiều rộng 40 cm * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Bộ	450
20	Bộ khăn phẫu thuật mạch máu chi dưới	Bộ khăn phẫu thuật mạch máu chi dưới - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Bộ khăn bao gồm: * 2 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da 10 x 50 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm * 2 khăn lót chi dưới 140 x 160 cm * 1 khăn phủ bán thấm 100 x 120 cm * 1 Khăn phủ đầu 200 x 220 cm, vùng khăn bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới với kích thước 40 x 60 cm * 2 Khăn phủ bên 90 x 100 cm, vùng khăn bán siêu thấm 30 x 40 cm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới * 1 Khăn phủ chân 180 x 200 cm, vùng khăn bán siêu thấm 40 x 40 cm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới * 2 khăn không keo vải bán thấm 35 x 40 cm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới * 1 khăn phủ vùng sinh dục 19 x 35 cm * Bao chi dưới 28 x 85 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	Bộ	150

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
21	Áo phẫu thuật, cỡ 160 x 140 cm	Áo phẫu thuật - Chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3. - Kích thước 160 x 140 cm - Các đường nối được ép chắc chắn - Có tối thiểu 2 khăn thấm, kích thước 40 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	cái	20.000
22	Áo phẫu thuật, cỡ 150 x 130 cm	Áo phẫu thuật - Chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3. - Kích thước 150 x 130 cm - Các đường nối được ép chắc chắn - Có tối thiểu 2 khăn thấm, kích thước 40 x 40 cm - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	cái	20.000
23	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát - Chất liệu bằng vải không dệt cao cấp ≥ 5 lớp SMMMS, tối thiểu 45 gsm, không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn AAMI tối thiểu mức 3 - Chất liệu vải bán siêu thấm tối thiểu 120 gsm, chỉ thấm mặt trên không thấm mặt dưới - Băng keo y tế không gây mẫn cảm và kích ứng da - Bộ khăn bao gồm: * 1 Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200 cm, chất liệu cấu tạo 2 lớp (1 lớp nhựa plastic màu và 1 lớp vải ≥ 3 lớp SMS tối thiểu 45 gsm) * 1 Băng keo 10 x 50 cm * 2 Khăn thấm 35 x 40 cm, chất liệu vải siêu thấm * 4 khăn có keo 100 x 120 cm * 1 Khăn phủ đầu 200 x 250 cm, vùng khăn bán siêu thấm 40 (rộng) x 60 (dài) cm * 2 Khăn phủ bên 100 x 120 cm, vùng khăn bán siêu thấm 40 (rộng) x 70 (dài) cm * 1 Khăn phủ chân 180 x 200 cm, vùng khăn bán thấm 60 (rộng) x 90 (dài) cm * 1 Túi dụng cụ 40 x 40 cm, có 2 ngăn * 1 túi kim chỉ 30 (cao) x 40 (rộng) cm, có 2 ngăn, nhựa trong * 1 Màng phẫu thuật 28 x 30 cm, chất liệu PU mỏng dẻo, dính - Kích thước sai số cho phép $\pm 5\%$ - Tiệt khuẩn bằng khí EO, đạt chuẩn EN ISO 11135 - Tiêu chuẩn CE theo luật định EU (MDR) class 1s	bộ	3.500

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24	Mũi khoan vùng hàm mắt, loại dài	Mũi khoan dài phẫu thuật vùng hàm mắt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mắt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: + Đường kính 1.6mm ± 0.01mm + Chiều dài mũi khoan: trong khoảng 70 - 75mm (tối thiểu phải có cỡ 72mm) + Chiều dài làm việc: trong khoảng 20 - 25mm (tối thiểu phải có cỡ 22mm) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mắt, đường kính trong khoảng 1.5 - 2.3mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	10
25	Mũi khoan vùng hàm mắt, loại ngắn	Mũi khoan ngắn phẫu thuật vùng hàm mắt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mắt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: + Đường kính 1.6mm ± 0.01mm + Chiều dài mũi khoan: trong khoảng 50 - 55mm (tối thiểu phải có cỡ 52mm) + Chiều dài làm việc: trong khoảng 5 - 7mm (tối thiểu phải có cỡ 6mm) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mắt, đường kính trong khoảng 1.5 - 2.3mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	10
26	Vít cố định xương vùng hàm mắt, đường kính trong khoảng 1.5 - 2.3mm	Vít loại nhỏ cố định xương vùng hàm mắt - Chất liệu: titanium - Đường kính ngoài: trong khoảng 1.5 - 2.3mm (tối thiểu phải có cỡ 1.95mm), đường kính trong 1.25 ± 0.01mm . Bước ren 0.8mm ± 0.01mm - Chiều dài vít có các cỡ 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20mm - Đầu vít có góc trong khoảng 60 - 62° - Tương thích "Mũi khoan vùng hàm mắt, loại dài", "Mũi khoan vùng hàm mắt, loại ngắn" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	1.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
27	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích cỡ: rộng 11.2mm ± 0.01mm, dài 15.3mm ± 0.01mm, dày 0.6 - 0.65mm (tối thiểu phải có cỡ 0.6mm) - Dạng gấp bậc thang, độ dày bậc thang nhiều kích cỡ 2, 4, 6, 8, 10, 12mm - Cấu tạo: hình chữ X, 4 lỗ - Tương thích "vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính trong khoảng 1.5 - 2.3mm" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	21
28	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, dạng thẳng, 18 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, dạng thẳng, 18 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích thước: dày trong khoảng 1 - 1.5mm (tối thiểu phải có cỡ 1.0mm), khoảng cách 2 lỗ 5.5mm ± 0.01mm, độ rộng đoạn nối 2 lỗ 2.0mm ± 0.01mm - Chiều dài nẹp 98mm ± 0.01mm - Cấu tạo: dạng thẳng, 18 lỗ - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính trong khoảng 1.5 - 2.3mm" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	54
29	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, chữ L phẳng, 4 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ L dạng phẳng, 4 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích thước: dày trong khoảng 1.0 - 1.2mm (tối thiểu phải có cỡ 1.0mm), khoảng cách 2 lỗ 5.5mm ± 0.01mm; khoảng cách bắc cầu 8.5mm ± 0.01mm và 11.5mm ± 0.01mm. - Rộng 10mm ± 0.01mm, dài 18.5mm ± 0.01mm và 21.5mm ± 0.01mm - Cấu tạo: hình chữ L góc trong khoảng 90 - 92°, dạng phẳng, 4 lỗ, - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính trong khoảng 1.5 - 2.3mm" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	52
30	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ L, dạng gấp, 4 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ L, dạng gấp, 4 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích cỡ: trong khoảng 0.8 - 0.9mm (tối thiểu phải có cỡ 0.8mm), độ dày đoạn gấp tối thiểu có các cỡ 2, 3, 4, 5, 6mm. - Khoảng cách 2 lỗ: 5.5mm ± 0.01mm. - Cấu tạo: hình chữ L, dạng gấp, 4 lỗ - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính trong khoảng 1.5 - 2.3mm" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	36

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
31	Mũi khoan vùng hàm mắt, tương thích vít trong khoảng 2.4 - 2.5mm	Mũi khoan lớn vùng hàm mắt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mắt - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: 2.0mm ± 0.01mm - Chiều dài mũi khoan: trong khoảng 7.0 - 7.5cm (tối thiểu phải có cỡ 7.2cm) - Chiều dài mũi khoan: trong khoảng 11 - 11.5cm (tối thiểu phải có cỡ 11cm) - Chiều dài làm việc 2.5 - 3.0cm (tối thiểu phải có cỡ 2.5cm) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mắt, đường kính trong khoảng 2.4 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu	Cái	6
32	Vít cố định xương vùng hàm mắt, đường kính trong khoảng 2.4 - 2.5mm	Vít loại lớn cố định xương vùng hàm mắt - Chất liệu: Titanium - Đường kính ngoài: trong khoảng 2.4 - 2.5mm (tối thiểu phải có cỡ 2.4mm), đường kính trong: 1.6mm ± 0.01mm. Bước ren 1.0mm ± 0.01mm - Chiều dài vít có các cỡ 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20mm - Đầu vít có góc trong khoảng 60 - 62° - Tương thích "Mũi khoan vùng hàm mắt, tương thích vít trong khoảng 2.4 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	120
33	Nẹp lớn cố định giữ chỗ 20 lỗ, trái và phải	Nẹp lớn cố định giữ chỗ 20 lỗ, trái và phải dùng cố định xương gãy vùng hàm mắt - Chất liệu: titanium - Kích thước: Dày 2.0mm và 2.6mm. Khoảng cách từ tâm lỗ đầu đến tâm lỗ cuối trong khoảng 137 - 138mm - Cấu tạo: hình chữ L trái và phải, 20 lỗ (5 lỗ + 15 lỗ) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mắt, đường kính trong khoảng 2.4 - 2.5mm" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	2
34	Nẹp lớn cố định giữ chỗ 26 lỗ, trái và phải	Nẹp lớn cố định giữ chỗ 26 lỗ, trái và phải dùng cố định xương gãy vùng hàm mắt - Chất liệu: titanium - Kích thước: Dày 2.0mm và 2.6mm. Khoảng cách từ tâm lỗ đầu đến tâm lỗ cuối trong khoảng 185 - 186mm - Cấu tạo: hình chữ L trái và phải, 26 lỗ (5 lỗ + 21 lỗ) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mắt, đường kính trong khoảng 2.4 - 2.5mm" - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	1

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	Thân trụ răng cây ghép implant, kết nối côn	Thân trụ răng cây ghép implant, kết nối côn dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Kích thước: đường kính: trong khoảng 4.0 - 5.8mm (tối thiểu phải có các cỡ 4.0mm, 4.8mm, 5.5mm, 5.8mm) - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ mời thầu - Cấu tạo: dạng thẳng, nghiêng, kết nối côn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	72
36	Cây lấy dấu khay mở, các cỡ	Cây lấy dấu khay mở dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Kích cỡ: đường kính: trong khoảng 2.5 - 5.0mm (tối thiểu phải có các cỡ 2.8, 3.2mm, 3.3mm, 3.75mm, 4.1mm, 5.0mm), chiều cao trong khoảng 11 - 15mm - Lực vận: trong khoảng 20 - 25Ncm. - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	250
37	Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)	Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1) - Chất liệu: Titanium + Đường kính tối thiểu có các cỡ 3.3, 3.75, 4.2, 5.0mm + Chiều dài tối thiểu có các cỡ 8, 10, 11.5, 13, 16mm - Đóng gói: 01 chân răng nhân tạo, 01 trụ phục hình tạm thời, 01 mũi khoan hoàn tất, 01 nắp đậy chân răng nhân tạo - Bước ren: 1.5mm - Cổ hình tròn, áp dụng tạo hình thông thường - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	220
38	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.2cc	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.2cc ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, ổ răng, nâng xoang. - Chất liệu: xương heo - Kích thước hạt: trong khoảng 0.25 - 2.0mm - Độ xốp toàn thể: 78.4% - Trọng lượng: $\geq 0.5g$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	35

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
39	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.8cc	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.8cc ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, ổ răng, nâng xoang. - Chất liệu: xương heo - Kích thước hạt: trong khoảng 1.0 - 2.0mm - Độ xốp toàn thể: 78.4% - Trọng lượng: $\geq 0.5g$ - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	40
40	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 15 x 20mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo) - Chất liệu: Collagen - Kích thước: 15 x 20mm - Kích thước lỗ: $< 0.01\mu m$ - Lực kéo căng: 285 ± 75 gram - Thời gian tiêu chậm nhất 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	90
41	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 20 x 30mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo) - Chất liệu: Collagen - Kích thước: 20 x 30mm - Kích thước lỗ $< 0.01\mu m$ - Lực kéo căng: 285 ± 75 gram - Thời gian tiêu chậm nhất được 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	15
42	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 30 x 40mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo) - Chất liệu: Collagen - Kích thước: 30 x 40mm - Kích thước lỗ $< 0.01\mu m$ - Lực kéo căng: 285 ± 75 gram - Thời gian tiêu chậm nhất được 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	11

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ				
TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
43	Nắp chụp lạnh thương cây ghép implant, kết nối côn, các cỡ	Nắp chụp lạnh thương cây ghép implant, kết nối côn dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Kích thước: + Loại trơn (ít nhất 16 kích cỡ): Đường kính: trong khoảng 3.3 - 4.8mm, chiều cao: trong khoảng 2 - 8mm + Loại tiêu chuẩn (ít nhất 16 kích cỡ): Đường kính: trong khoảng 3.9 - 5.8mm, chiều cao: trong khoảng 2 - 8mm + Loại rộng (ít nhất 6 kích cỡ): Đường kính: trong khoảng 5.5 - 6.3mm, chiều cao: trong khoảng 2 - 5mm - Lực vặn trong khoảng 20 - 25Ncm - Tiệt khuẩn - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ mời thầu	Cái	224
44	Thân tuốc nơ vít dùng trong nha khoa	Thân tuốc nơ vít dùng để vặn vít cố định xương vùng hàm mặt, kết nối vít và đầu vặn vít, cố định vít vào nẹp và vùng xương gãy - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: trong khoảng 88 - 120mm (tối thiểu phải có cỡ 89.7mm và 117mm) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	10
45	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn nghiêng	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn nghiêng có tác dụng nâng đỡ và tiếp nối cho răng phục hình trên chân răng đã cấy ghép - Vật liệu: titanium - Kết nối côn. - Dạng nghiêng: ≥ 17 độ (tối thiểu có cỡ 17 độ và 30 độ) - Đường kính ≥ 4.8mm, chiều cao nướu ≥ 1mm (tối thiểu phải có cỡ 1mm và 2mm). - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	45
46	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn thẳng	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn thẳng có tác dụng nâng đỡ và tiếp nối cho răng phục hình trên chân răng đã cấy ghép - Vật liệu: titanium - Dạng thẳng, kết nối côn - Đường kính: ≥ 4.8mm (tối thiểu có cỡ 4.8mm), chiều cao nướu trong khoảng 1 - 5mm (tối thiểu phải có cỡ 1mm, 2mm, 3mm, 4mm) - Chiều cao phần trên trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng ≥ 2.0mm (tối thiểu có cỡ 2.0mm) - Lực vặn 30Ncm. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	25

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
47	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 0.6cc	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 0.6cc ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, ổ răng, nâng xoang. - Chất liệu: xương heo - Kích thước hạt: trong khoảng 0.25 - 1.0mm - Độ xốp toàn thể: 78.4% - Trọng lượng: $\geq 0.25g$ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	10
48	Màng collagen tự tiêu 15x25mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong kỹ thuật GBR và GTR - Chất liệu: Collagen liên kết chéo gốc đường. - Mạng tự tiêu, dai, chắc, dễ tạo hình - Kích thước: 15 x 25mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	5
49	Màng collagen tự tiêu 25x30mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong kỹ thuật GBR và GTR - Chất liệu: Collagen liên kết chéo gốc đường. - Mạng tự tiêu, dai, chắc, dễ tạo hình - Kích thước: 25 x 30mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	5
50	Màng collagen tự tiêu 30x40mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong kỹ thuật GBR và GTR - Chất liệu: Collagen liên kết chéo gốc đường. - Mạng tự tiêu, dai, chắc, dễ tạo hình - Kích thước: 30 x 40mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	5
51	Màng xương tự tiêu 10x12.5mm	Màng xương tự tiêu, sử dụng đường để liên kết chéo các phân tử collagen tạo ra khung Collagen, dùng trong kỹ thuật GBR và GTR. - Chiết xuất từ xương heo. - Dày lên và nở ra khi ướt. - Kích thước: 10 x 12.5mm - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	10

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
52	Màng xương tự tiêu 15x25mm	Màng xương tự tiêu, sử dụng đường để liên kết chéo các phân tử collagen tạo ra khung Collagen, dùng trong kỹ thuật GBR và GTR. - Chiết xuất từ xương heo. - Dày lên và nở ra khi ướt. - Kích thước: 15 x 25mm - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	10
53	Màng xương tự tiêu 25x30mm	Màng xương tự tiêu, sử dụng đường để liên kết chéo các phân tử collagen tạo ra khung Collagen, dùng trong kỹ thuật GBR và GTR. - Chiết xuất từ xương heo. - Dày lên và nở ra khi ướt. - Kích thước: 25 x 30mm - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	10
54	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, chữ Y, 5 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ Y, 5 lỗ - Chất liệu: titanium - Độ dày: trong khoảng 0.65 - 0.75mm (tối thiểu phải có cỡ 0.7mm), khoảng cách 2 lỗ 4.5mm ± 0.01mm - Cấu tạo: hình chữ Y, 5 lỗ - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	52
55	Bản sao chân răng	Bản sao chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Kích thước: + Đường kính trong khoảng 3.2 - 5.0mm (tối thiểu phải có cỡ 3.3mm, 3.75mm, 5.0mm), cao trong khoảng 12 - 13mm - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	120
56	Vật liệu cấy ghép chân răng, đường kính trong khoảng 3.0 - 5.5mm (trong nhổ răng và gắn phục hình tức thì)	Vật liệu cấy ghép chân răng sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp nhổ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4 - Kích thước: Đường kính có tối thiểu cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm; Chiều dài có tối thiểu cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: Ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lục giác - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	36

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
57	Bản sao chân răng cây ghép kết nối lục giác, các cỡ	Bản sao chân răng cây ghép kết nối lục giác, các cỡ dùng làm bản sao chân răng cây ghép trong quy trình phục hình mão răng đối với cây ghép chân răng xương gò má - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: Đường kính 3.0, 3.5, 3.75, 4.3, 5.0, 5.5mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Tiệt khuẩn. Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	27
58	Trụ chân răng nhân tạo xương gò má các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo xương gò má, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất xương trầm trọng phải cấy ghép vào xương gò má. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Kích thước: Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.1mm, 5mm; Chiều dài có tối thiểu các cỡ 30, 35, 37.5, 40, 42.5, 45, 47.5, 50, 52.5mm - Cấu tạo: Vật liệu cấy ghép chân răng 0° và 45°, kết nối ngoài dạng lục giác - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	16
59	Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng nhân tạo các cỡ	Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng nhân tạo, các cỡ dùng sao chép vị trí cấy ghép từ trong miệng ra ngoài, cho quy trình phục hình mão răng. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 3.0, 3.5, 3.75, 4.3, 5.0, 5.5mm. Khay mở với chiều dài: 10mm, 14mm. Khay đóng với chiều dài: 9mm, 13mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	48
60	Thân trụ răng cây ghép cho nhiều đơn vị kết nối lục giác dạng nghiêng 17° và 30°	Thân trụ răng cây ghép cho nhiều đơn vị kết nối lục giác dạng nghiêng 17° và 30° dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng nghiêng 17° và 30°, phục hình bắt vít. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 4.5mm - Cấu tạo: bắt vít phục hình dạng nghiêng 17° và 30°, kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu kỹ thuật: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng, có thể xoay vòng tròn, dễ dàng gắn phục hình. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	40

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
61	Nắp cấy trụ chân răng nhân tạo, các cỡ	Nắp cấy trụ chân răng nhân tạo, các cỡ dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	80
62	Ống nhựa bảo vệ môi	Ống nhựa bảo vệ môi sử dụng để bao bọc dây cung niti, SS trong chỉnh nha giúp các đầu dây cung không làm tổn thương niêm mạc môi má - Chất liệu: nhựa, không có latex - Chiều dài: $\geq 3\text{m}$ (tối thiểu có loại 3m) - Đường kính: $\leq 0.27\text{mm}$ (tối thiểu có loại 0.27mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485	Cuộn	100
63	Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lục giác dạng thẳng	Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lục giác dạng thẳng dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng thẳng, phục hình hình bất vít. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 4.5mm - Cấu tạo: bất vít phục hình dạng thẳng, kết nối hình nón lục giác - Yêu cầu kỹ thuật: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng, có thể xoay vòng tròn, dễ dàng gắn phục hình. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	38
64	Trụ chân răng nhân tạo có bao phủ màng sinh học các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo có bao phủ màng sinh học, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp: nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương D1, nhổ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4 - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm; Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: bề mặt cấu trúc nano dẫn đến bề mặt nhám và xốp. Cổ màu vàng, ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lục giác. - Yêu cầu kỹ thuật: Siêu ưu nước, tích hợp xương tức thì, ren cắt thuận lợi cho việc chuyển hướng, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	13

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
65	Trụ chân răng nhân tạo song song có bao phủ màng sinh học các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo song song có bao phủ màng sinh học, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai, nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương D1. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.75, 4.3, 5.0mm; Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: bề mặt cấu trúc nano dẫn đến bề mặt nhám và xốp. Cổ màu vàng, kết nối trong, hình nón, lục giác. - Yêu cầu kỹ thuật: Có thể đặt implant nghiêng đến 45°, quy trình mũi khoan đơn giản, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình tích hợp xương tức thì. - Các bộ phận đi kèm: Có nắp đậy đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	32
66	Trụ phục hình thẩm mỹ nghiêng 15° cho chân răng nhân tạo, các cỡ	Trụ phục hình thẩm mỹ 15° cho chân răng nhân tạo các cỡ dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng nghiêng 15°, dán mão răng với xi măng dán trong nha khoa. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 3, 4.5mm - Cấu tạo: dạng nghiêng 15°, kết nối hình nón lục giác - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	60
67	Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo, các cỡ	Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo, các cỡ dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng thẳng, dán mão răng với xi măng dán trong nha khoa. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 3, 4.5mm - Cấu tạo: dạng thẳng, kết nối hình nón lục giác - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	88

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
68	Vật liệu cấy ghép chân răng, đường kính trong khoảng 3.75 - 5.0mm (trong mắt nhiều răng, có nâng xoang, ghép xương)	Vật liệu cấy ghép chân răng sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.75, 4.3, 5.0mm; Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: Kết nối bên trong, hình nón, lục giác. - Yêu cầu kỹ thuật: Có thể đặt implant nghiêng đến 45°, quy trình mũi khoan đơn giản, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. - Các bộ phận đi kèm: Có nắp đậy đi kèm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	24
69	Cây lấy dấu khay đóng, các cỡ	Cây lấy dấu khay đóng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Cấu tạo: khay đóng - Đường kính: trong khoảng 4.0 - 5.5mm (tối thiểu phải có các cỡ 4.0mm, 4.8mm, 5.5mm) - Chiều cao nướu: trong khoảng 2 - 2.5mm - Chiều cao phục hình: trong khoảng 6 - 6.5mm - Lực vận trong khoảng 20 - 25Ncm. - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ mời thầu Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	250
70	Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng	Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng được gắn vào thời điểm đặt implant, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính trong khoảng 3-5mm, Chiều cao nướu trong khoảng 2-8mm - Cấu tạo: Kết nối trong và ngoài, lục giác - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	37
71	Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)	Vật liệu cấy ghép chân răng (Implant V3) giải pháp thay thế cho chân răng bị mất - Chất liệu: Titanium + Đường kính tối thiểu có các cỡ 3.3, 3.9, 4.3, 5.0mm + Chiều dài tối thiểu có các cỡ 8, 10, 11.5, 13, 16mm - Cổ hình tam giác, áp dụng tạo hình cho vùng thẩm mỹ - Đóng gói: 01 chân răng nhân tạo, 01 mũi khoan hoàn tất, 01 nắp đậy chân răng nhân tạo - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	165

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
72	Đài cao su đánh bóng răng	Đài cao su đánh bóng răng trong điều trị nha chu, trám răng, phục hình - Chất liệu: phần đầu bằng cao su, phần thân bằng thép không gỉ - Chiều dài: trong khoảng 2.5 - 3cm - Tương thích Tay khoan khuỷu/thẳng tốc độ chậm (mã hiệu WE - 56 T/HE - 43 T) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	1.800
73	Dung dịch sát trùng ống tủy	Dung dịch bơm rửa sát khuẩn ống tủy được sử dụng trong quá trình điều trị nội nha - Dạng nước hoặc gel - Thành phần: Citric Acid ($\geq 40\%$) - Trọng lượng: $\geq 200g$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Lọ	20
74	Nút lành thương trụ chân răng nhân tạo, các cỡ	Nút lành thương trụ chân răng nhân tạo, các cỡ sử dụng cho trụ cấy ghép chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính trong khoảng 3.0 - 6.0mm (tối thiểu 3 cỡ), Chiều dài trong khoảng 2.0 - 8.0mm (tối thiểu 3 cỡ) - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Cái	140
75	Sáp lá	Sáp lá dùng trong phục hình răng - Thành phần: sáp nền - Kích thước: 17 x 10 x 0.2cm ($\pm 15\%$), hình chữ nhật - Trọng lượng: $\geq 200g$	Hộp	50
76	Keo quang trùng hợp trám răng	Keo quang trùng hợp dùng trong trám răng giúp tăng độ kết dính của vật liệu trám vào men răng - Thành phần: + Keo kích hoạt: Dung dịch Ethanolic aryl sulfonate + Keo A: Nhựa matrix Bis-GMA ưa nước, chất xúc tác + Keo B: Nhựa matrix Bis-GMA ưa nước, benzoyl peroxide - Phù hợp để gắn chốt, tái tạo cùi, kết dính các vật liệu trám răng, men răng và ngà răng. - Đóng gói: 1 lọ keo A 5ml, 1 lọ keo B, 1 lọ keo kích hoạt 5ml, 1 tuýp tạo nhám và phụ kiện - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Bộ	75

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
77	Thun buộc mắc cài, cố định hàm mặt	Thun buộc mắc cài, cố định hàm mặt trong thủ thuật chỉnh hình hàm mặt - Chất liệu: cao su latex thiên nhiên - Đường kính vòng thun 3/8" (9.35mm) - Lực kéo: ≥ 14 Oz - Tương thích với dụng cụ đặt thun, cố định hàm, mắc cài chỉnh nha. - Quy cách đóng gói: ≥ 100 cái/gói - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	220
78	Lò xo kéo răng để tạo khoảng trống trên cung hàm, các cỡ	Lò xo kéo răng các cỡ tạo khoảng trống trên cung hàm, sắp đều các răng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: Niken titan - Kích thước khi mở ≥ 15 mm (có tối thiểu cỡ 15mm) - Khi lò xo đặt trên dây cung và nén ở giữa các mắc cài đạt đến kích thước: ≤ 3 mm (có tối thiểu cỡ 3mm) - Đường kính trong: ≥ 0.035 inch (có tối thiểu cỡ 0.035 inch) - Lực nén trong khoảng 100 - 200gm (tối thiểu 3 mức 100, 150, 200gm) - Cấu tạo: Hai đầu hình tròn dẹp, một đầu to, một đầu nhỏ, lò xo nằm giữa	Sợi	45
79	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ, cỡ 12G, 14G, dài ≥ 30 cm	Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn - Chất liệu Cannula bằng PVC, nòng trong bằng thép không gỉ - Cannula dạng thẳng đầu có nút chặn và cố định, đuôi nối female Leur - lock - Có tối thiểu các cỡ 12G, 14G, chiều dài ≥ 30 cm Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	60
80	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000 tại Bệnh viện - Theo dõi huyết động ít xâm lấn, cung cấp các chỉ số huyết động chuyên sâu: CCO, CCI, SV, SVI, SVV, DO2 - Bộ cảm biến với dây áp lực dài 60 inch (152cm), các chỉ số huyết động được tự động cập nhật với tần suất mỗi 20 giây/ lần. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	290
81	Miếng ghép tạo hình mũi, (50 x 10 x 8 x 6) mm (± 0.5)	Miếng ghép tạo hình mũi - Chất liệu: bằng ePTFE (expanded Polytetrafluoroethylene) - Kích thước: (50 x 10 x 8 x 6) mm (± 0.5) (chiều dài x chiều rộng đầu to x chiều rộng đầu nhỏ x độ dày) - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Miếng	250

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
82	Miếng ghép tạo hình mũi, cỡ (60 x 11 x 9 x 7) mm (± 0.5)	Miếng ghép tạo hình mũi Chất liệu: bằng ePTFE (expanded Polytetrafluoroethylene) - Kích thước: (60 x 11 x 9 x 7) mm (± 0.5) (chiều dài x chiều rộng đầu to x chiều rộng đầu nhỏ x độ dày) Tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Miếng	140
83	Túi đặt ngực hình tròn, có chip, đường kính 9cm - 13.5cm	Túi đặt ngực - Chất liệu silicone gel - Hình tròn, bề mặt nano - Có lớp sắc tố để nhận biết lớp rào cản cây ghép - Có chip bên trong túi - Kích thước: - Đường kính: 9 - 13.5cm - Thể tích: 155cc - 550cc (tối thiểu 15 thể tích) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	350
84	Chăn làm ấm thân trên, người lớn	Chăn làm ấm thân trên, người lớn - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở. - có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phồng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau) - Kích thước: (205-209) x (70-75) cm (chưa căng phồng); (180-185) x (60-65) cm (đã căng phồng) - Có hai vị trí kết nối ống thổi linh hoạt - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện	Cái	387
85	Chăn làm ấm bệnh nhân toàn thân	Chăn làm ấm toàn thân người lớn - Vật liệu gồm màng polyethylene bên trong và lớp vải không dệt bên ngoài, chống thấm dịch, chống rách, không có chất cao su gây dị ứng - Tia X xuyên qua chăn không bị cản trở hoặc ảnh hưởng. - có 3 lớp (lớp chống thấm bên trên, lớp liên kết chống phồng ở giữa, và lớp phân phối khí ấm với nhiều lỗ nhỏ bố trí đều nhau) - Kích thước: (100-105) x (200-205) cm (chưa căng phồng); (82-85) x (185-200) cm (đã căng phồng) - Chứng nhận: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) - Tương thích máy sưởi ấm người bệnh WarmTouch hiện có tại Bệnh viện	Cái	1.800
86	Tấm lót 37cm x 36m (± 05%)	Tấm lót - Chất liệu: mặt trên vải Rayon, mặt dưới Nylon, không chứa latex - Kích thước: 37cm x 36m (± 05%) - Chứng nhận CE (Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO 13485	Miếng	28.000

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
87	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục thời gian thực	Bộ cảm biến đo đường huyết liên tục thời gian thực - Phạm vi chỉ số glucose trong cảm biến: 30 đến 500 mg/dL - Thời gian sử dụng cảm biến: tối đa 14 ngày - Điều kiện vận hành: 5 – 40 °C - Truyền dữ liệu liên tục và tự động cập nhật theo thời gian thực - Chống nước của bộ máy đo: có thể ngâm nước ở độ sâu 1- 2.5m trong vòng 1 giờ - Đạt chất lượng ISO 13485 - Dữ liệu thử nghiệm lâm sàng tin cậy, có trên tạp chí uy tín.	Bộ	150
88	Kim điện cơ 26G	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ. - Chất liệu: thân kim bằng thép không gỉ, cảm biến bằng vonfram (W), đầu nối điện cực kim bằng CuZn/Au. Đầu nối kim mạ vàng, mũi kim được vát Robotically để chèn kim tốt hơn và giảm đau. - Kích cỡ: dài 40 - 42mm, đường kính kim 0.45 0.07mm² 0.46mm, 26G, diện tích ghi 0.07mm² - Đạt tiêu chuẩn môi trường: không mù latex, không PVC - Tiệt khuẩn - Tương thích với máy điện cơ Sierra Summit Cadwell và Medtronic và Neurosoft tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn chất lượng FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE/MDR (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	12.000
89	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, chuyển động đôi, có ≥ 1 quai bắt vít trên bờ ổ cối	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi xương đùi - Chất liệu: Hợp kim Titanium, phủ Titanium và Hydroxyapatite - Có rãnh chống lún mỗi bề mặt trước và sau - Góc cổ thân trong khoảng 125 - 135 độ - Chiều dài có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 120 - 140mm 2. Ổ cối - Chất liệu: thép không gỉ, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium Hydroxyapatite - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 40 - 44mm - Trên vành ổ cối có ≥ 1 quai bắt vít phía trên bờ ổ cối hướng về xương chậu và ≥ 2 lỗ vít bên trong ổ cối tại vị trí xương mu và xương ngồi - Ổ cối được thiết kế theo kiểu chuyển động đôi 3. Chỏm - Chất liệu thép không gỉ 4. Lót ổ cối - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử 5. Vít bắt bờ ổ cối - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính: trong khoảng 4 - 6mm. Chiều dài ≥ 20mm, có ≥ 4 cỡ vít Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	8

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
90	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm thép không gỉ miếng lót Polyethylene, chuyển động đôi, có 2 quai bắt vít trên bờ ổ cối	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng 1. Chuôi xương đùi - Chất liệu hợp kim Titanium, phủ 1 lớp Hydroxyapatite - Góc cổ thân 130 độ. - Chiều dài có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 110 - 120mm 2. Ổ cối - Chất liệu: thép không gỉ, toàn bộ bề mặt ngoài ổ cối được phủ 1 lớp Titanium và lớp Hydroxyapatite - Có ≥ 10 cỡ, trong đó có cỡ trong khoảng 40 - 44mm - Ổ cối thiết kế chuyển động kép - Vành ổ cối có 2 quai mỗi quai bắt 2 vít và 1 móc cố định nằm sau bờ ổ cối, 2 vít bên trong ổ cối . 3. Chỏm - Chất liệu: thép không gỉ 4. Lót ổ cối - Chất liệu Polyethylene cao phân tử 5. Vít ổ cối tự taro - Chất liệu - Đường kính: trong khoảng 4 - 5mm. Chiều dài ≥ 20mm có ≥ 5 cỡ vít Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	5
91	Đinh Kirschner một hoặc hai đầu nhọn	Đinh Kirschner một hoặc hai đầu nhọn - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính có tối thiểu 3 cỡ trong khoảng 1.0 - 2.5mm - Chiều dài có tối thiểu cỡ 150mm Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc Tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	450
92	Bộ khớp gối với phân lõi cầu bán rộng	Bộ khớp gối với phân lõi cầu bán rộng - Chất liệu: CoCrMo, Titanium và UHMWPE - Mâm chày có 4 - 5 cỡ - Chiều dài lõi cầu: 70mm, có khớp nối với chuôi khớp cố định ống tủy. - Cỡ mâm chày tương thích với size lõi cầu: 2/4/6/8/10 . - Đệm mâm chày cao: 9mm. - Xi măng - Tương thích với "Chuôi khớp nối đầu xa lõi cầu", "Khớp nối đầu xa lõi cầu" tại danh mục mời thầu Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
93	Chuôi khớp nối đầu xa lồi cầu	Chuôi khớp nối đầu xa lồi cầu - Chất liệu: Titanium - Côn 12/14, Góc nghiêng 135 độ - Chiều dài cổ có tối thiểu cỡ 50mm - Đường kính thân tối thiểu có cỡ 24mm - Tương thích với "Bộ khớp gối với phần lồi cầu bản rộng", "Khớp nối đầu xa lồi cầu" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
94	Khớp nối đầu xa lồi cầu	Khớp nối đầu xa lồi cầu - Chất liệu: Titanium và UHMWPE - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 105, 115, 125, 135mm - Đường kính: trong khoảng 11 - 13mm, mỗi bước tăng 1mm - Chiều dài modul kết nối trong khoảng 30 - 60mm, mỗi bước tăng 10ml - Tương thích với "Bộ khớp gối với phần lồi cầu bản rộng", "Chuôi khớp nối đầu xa lồi cầu" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
95	Bộ khớp gối với phần mâm chày bản rộng	Bộ khớp gối với phần mâm chày bản rộng - Chất liệu: CoCrMo, Titanium và UHMWPE - Kích cỡ mâm chày: 2(58mm)/ 4(64mm)/ 6(70mm)/ 8(76mm)/ 10(82mm). - Chiều dài mâm chày: 62mm, có khớp nối với chuôi khớp cổ định ống tủy. - Cỡ lồi cầu tương thích với size mâm chày: 2/ 4/ 6/ 8/ 10 . - Đệm mâm chày cao: 9mm. - Xi măng - Tương thích với "Chuôi khớp nối mâm chày cho khớp gối" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	2
96	Chuôi khớp nối mâm chày cho khớp gối	Chuôi khớp nối mâm chày cho khớp gối - Chất liệu: Titanium. - Chiều dài khớp nối ≥ 8 cỡ, trong khoảng 40 - 120mm, mỗi bước tăng 10mm - Đường kính khớp nối có tối thiểu cỡ 24mm - Tương thích với "Bộ khớp gối với phần mâm chày bản rộng" tại danh mục mời thầu Tiết khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
97	Bộ định nội tủy thân xương chày, rỗng nòng, ≥ 4 cỡ đường kính	Bộ định nội tủy thân xương chày 1. Định rỗng nòng đa hướng, có khung định vị 3 chiều cho xương chày. Bề mặt trơn láng, có một đầu thuôn nhọn. Cổ định dài tạo góc nghiêng cổ định so với thân 10°. - Chất liệu định hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 8.2, 9, 10, 11mm. - Chiều dài trong khoảng 240 - 360mm, bước tăng 20mm 2. Vít khóa đầu gần tạo khung định vị 3 chiều - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.8mm - Chiều dài trong khoảng 25 - 90mm, mỗi bước tăng 5mm 3. Vít khóa ngoại biên/đầu xa - Đường kính có tối thiểu cỡ 4.5mm - Chiều dài trong khoảng 25 - 70mm, mỗi bước tăng 5mm. 4. Nắp khóa - Kích thước trong khoảng 0 - 15mm, mỗi bước tăng 5mm Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	14
98	Bơm rửa vết thương bằng sóng xung với 2 tốc độ	Bơm rửa vết thương bằng sóng xung với 2 tốc độ: - Tốc độ cao: Lưu lượng dòng chảy ≥ 500 ml / phút, Tần số xung nước ≥ 4 lần /s - Tốc độ thấp: Lưu lượng dòng chảy ≥ 300 ml / phút, Tần số xung nước ≥ 3 lần /s - Áp suất xả xung: 4.4 - 10 Psi Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	50
99	Đầu đốt C3, đốt lạnh dây thần kinh vùng cột sống lưng, cổ và xương cùng cụt, đường kính 1.3 - 2.1mm	Đầu đốt C3, đốt lạnh dây thần kinh vùng cột sống lưng, cổ và xương cùng cụt - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính: trong khoảng 1.3 - 2.1mm - Thiết kế: Đầu tù Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2
100	Đầu đốt lập thể TC đơn cực dẫn sóng RF đốt nhân sâu trong não, dài 190mm, 300mm (tái sử dụng)	Đầu đốt lập thể TC dẫn sóng RF đốt dây thần kinh não, tái sử dụng - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: 190mm, 300mm, Đơn cực, chiều dài đầu tiếp xúc: 1.5 - 3.5 - 4mm, đường kính đầu tiếp xúc: trong khoảng 1 - 2mm, đường kính sắc: trong khoảng 2 - 2.2mm Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	2

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
101	Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, 45 x 45mm (± 05%)	Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh - Thành phần cấu tạo từ collagen bò - Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG) - Kích thước 45 x 45mm (± 05%) Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	8
102	Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, 45 x 90mm (± 05%)	Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh - Thành phần cấu tạo từ collagen bò - Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG) - Kích thước 45 x 90mm (± 05%) Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	8
103	Miếng keo sinh học dán mô, cầm máu, khoảng 27 x 27mm (± 05%)	Miếng keo sinh học dán mô cầm máu dùng cầm máu, bịt kín vết thương trong phẫu thuật thần kinh - Thành phần cấu tạo từ collagen bò - Bề mặt tiếp xúc với mô có lớp N-hydroxysuccinimide Polyethylene Glycol (NHS-PEG) - Kích thước 27 x 27mm (± 05%) Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	8
104	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu Polycaprolacton, 100 x 2 x 3.5mm (± 05%), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lấp khoảng trống và tái tạo xương đường cắt sọ sau phẫu thuật cắt sọ - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 100 x 2 x 3.5mm (± 05%) Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	60
105	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu Polycaprolacton, 100 x 3.5 x 4mm (± 05%), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lấp khoảng trống và tái tạo xương đường cắt sọ sau phẫu thuật cắt sọ - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 100 x 3.5 x 4mm (± 05%) Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	55

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

TT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
106	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton tái tạo lỗ khoan sọ trong phẫu thuật shunt, dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu tái tạo các lỗ khoan sọ trong phẫu thuật đặt shunt - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, dày trong khoảng 0.5 - 30mm Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	30
107	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton tái tạo lỗ khoan sọ, dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu tái tạo các lỗ khoan sọ - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, hình dáng tròn - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, dày trong khoảng 0.5 - 30mm Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	30
108	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 25 x 25 x 1.25mm (± 05%), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt, - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 25 x 25 x 1.25mm (± 05%) Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	23
109	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 50 x 50 x 1.25mm (± 05%), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt, - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 50 x 50 x 1.25mm (± 05%) Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	30
110	Miếng vá khuyết sọ tự tiêu, Polycaprolacton, cỡ 50 x 50 x 2mm (± 05%), dạng xốp	Miếng vá khuyết sọ não tự tiêu dùng lót sàn ổ mắt và khiếm khuyết vùng sọ mặt, - Chất liệu Polycaprolacton trong khoảng 40 - 85%, dạng xốp, tự tiêu - Kích thước lỗ trong khoảng 250 - 1600µm, cỡ 50 x 50 x 2mm (± 05%) Tiệt khuẩn Chứng nhận FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (tiêu chuẩn Châu Âu)	Miếng	15